

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HỒNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/DS-ST
Ngày: 03-7-2020
V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Văn Tuấn;

Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Hồng Tân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Anh Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phan Thị T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp D, xã H, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Đặng Thị Mỹ L, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp D, xã H, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1991, địa chỉ: Ấp D, xã H, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

- Người làm chứng:

1/ Lê Hữu Th, sinh năm 1984;

2/ Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1991;

3/ Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1984;

4/ Tống Tấn K, sinh năm 1990;

5/ Đỗ Thị Thúy K, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã H, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

(Tại phiên tòa bà T, bà L, anh G, anh Th có mặt; Anh Tr, anh K, chị K đều vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Lời trình bày của nguyên đơn Phan Thị T:

Bà L làm chủ hội, bà T tham gia chơi hội ngày chõ bà L 02 dây hội, mỗi chân hội là 20.000 đồng, mỗi dây hội bà T vô 10 chân, 02 dây hội là 20 chân, do hội ngày nên thỏa thuận với nhau không bỏ hội hàng ngày mà người hội sống mỗi ngày phải chầu 17.000 đồng/01 chân hội, bà T tham gia 20 chân hội nên mỗi ngày đều chầu cho bà L 340.000 đồng. Bà T chơi hội thường chỉ hốt chót, đối với 02 dây hội này cũng vậy nên còn mấy ngày nữa là tới ngày hốt hội chót thì bà T có hỏi và đưa tiền đóng hội trước cho bà L để được hốt chót, tổng cộng bà T chầu được 96 lần. Tính ra số tiền bà T hốt hội chót được là 20.000 đồng/01 chân hội x 20 chân hội x 96 lần chầu = 38.400.000 đồng. Nhưng sau khi mãn hội thì đến nay bà L cũng chưa trả cho bà T số tiền nào nên bà T mới khởi kiện đến Tòa án. Khi khởi kiện bà T yêu cầu bà L trả số tiền nợ hội là 38.400.000 đồng, không yêu cầu tính lãi nhưng số tiền đó là chưa có trừ tiền hoa hồng cho chủ hội là bà L, nên tại phiên hòa giải bà T thống nhất trừ số tiền hoa hồng 400.000 đồng nên chỉ yêu cầu bà L trả cho bà T số tiền nợ hội là 38.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa bà T thay đổi yêu cầu, bà T chỉ yêu cầu bà L trả số tiền nợ hội là 37.660.000 đồng (đã trừ đi số tiền hội sống 01 ngày là 340.000 đồng bà T chưa chầu), không yêu cầu tính lãi.

Lời trình bày của bị đơn Đặng Thị Mỹ L:

Bà L thống nhất với diễn biến chơi hội giữa bà L và bà T như bà T trình bày nhưng bà L không đồng ý với toàn bộ yêu cầu của bà T vì lý do sau: Đúng là số tiền bà T hốt hội chót được là 20.000 đồng/01 chân hội x 20 chân hội x 96 lần chầu = 38.400.000 đồng nhưng bà T chưa trừ tiền hoa hồng của bà L là 400.000 đồng, tiền hội sống 01 ngày bà T chưa chầu cho 20 chân hội là 340.000 đồng và tiền bà L đã trả trước cho bà T 20.000.000 đồng nên tính ra bà L chỉ còn nợ bà T số tiền hội là 17.660.000 đồng, vì vậy bà L chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền hội còn thiếu là 17.660.000 đồng.

Tại phiên tòa bà L thừa nhận bà T hốt hội chót được 38.400.000 đồng, trừ đi tiền hoa hồng và 01 ngày hội sống còn lại là 37.660.000 đồng, lúc này bà L bỏ đi Cần Thơ chơi 21 ngày mới về. Bà L có kêu anh G (con ruột của bà L) đem trả cho bà T 17.660.000 đồng nhưng bà T không nhận, bà T yêu cầu đưa đủ 38.400.000 đồng mới nhận. Khi bà L về thì bà T có đến gặp bà L đòi nợ hội số tiền 38.400.000 đồng nên xảy ra cự cãi, sau đó Công an xã Tân Hộ Cơ có mời đến hòa giải động viên.

Lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Đặng Thị Mỹ L là anh Nguyễn Hoàng G: Anh G thống nhất với trình bày của bà L, không có sửa đổi, bổ sung gì thêm.

Lời trình bày của người làm chứng Lê Hữu Th: Bà T có nói với anh Th là bà L có giao hụi cho bà T được số tiền 20.000.000 đồng, bà T chỉ nói vậy thôi chứ anh Th không chứng kiến việc bà L giao tiền cho bà T. Tại phiên tòa anh Th trình bày là anh Th cũng có chơi hụi chỗ bà L làm chủ và cũng hốt hụi chót như bà T nhưng lúc đó bà L bỏ đi không có giao tiền hụi.

Lời trình bày của người làm chứng Nguyễn Văn Tr: Anh Tr cũng chỉ nghe bà T nói là bà L có giao cho bà T số tiền hụi 20.000.000 đồng (khi bà T nói chuyện với anh Th), chứ anh Tr không có thấy tiền. Sau đó thì bà T có nói lại với anh Tr là bà T chỉ nói đùa.

Lời trình bày của những người làm chứng Nguyễn Hoàng G, Tổng Tấn K và Đỗ Thị Thúy K: Anh G, anh K và chị K đều không chứng kiến, không biết việc bà L trả cho bà T số tiền 20.000.000 đồng như bà L trình bày.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả số tiền hụi là 37.660.000 đồng, không tính lãi.

Bà L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T, bà L thống nhất tổng số tiền hốt hụi chót của bà T là 38.400.000 đồng, nhưng chưa trừ tiền hoa hồng của bà L là 400.000 đồng, tiền hụi sống 01 ngày bà T chưa châu cho 20 chân hụi là 340.000 đồng và tiền bà L đã trả trước cho bà T là 20.000.000 đồng, nên bà L chỉ còn nợ bà T 17.660.000 đồng, bà L chỉ thống nhất trả cho bà T số tiền hụi là 17.660.000 đồng, không có lãi.

Xét thấy việc khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải số tiền hụi là 37.660.000 đồng (Ba mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng), không tính lãi.

Từ những phân tích như trên, căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 15, Điều 18, Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biểu, phùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vào ngày 29-11-2019, nguyên đơn gửi đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng đối với bị đơn, xét thấy nguyên đơn có quyền khởi kiện và đã thực hiện đúng về thủ tục khởi kiện theo quy định tại các điều 186, 188, 189, 190 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc khởi kiện của nguyên đơn là “Tranh chấp hui” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng thụ lý giải quyết vào ngày 06-12-2019 là đúng quy định tại các điều 5, 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà T tham gia chơi hui 02 dây hui ngày chỗ bà L làm chủ, mỗi chân hui là 20.000 đồng, mỗi dây hui bà T vô 10 chân, 02 dây hui là 20 chân, mỗi ngày bà T châu 17.000 đồng/01 chân hui, bà T tham gia 20 chân hui nên mỗi ngày đều châu cho bà L 340.000 đồng, tổng cộng bà T đã châu hui được 96 lần, số tiền bà T hốt hui chót được là 20.000 đồng/01 chân hui x 20 chân hui x 96 lần châu = 38.400.000 đồng. Sau khi mãn hui thì đến nay bà L cũng chưa trả cho bà T số tiền nào nên bà T mới khởi kiện đến Tòa án. Khi khởi kiện bà T yêu cầu bà L trả số tiền nợ hui là 38.400.000 đồng, không yêu cầu tính lãi nhưng sau khi hòa giải và tại phiên tòa bà T chỉ yêu cầu bà L trả số tiền nợ hui là 37.660.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu của bà T là tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

Bà L thừa nhận diễn biến việc chơi hui như bà T trình bày và thừa nhận tổng số tiền hốt hui chót của bà T là 38.400.000 đồng, sau khi trừ đi 400.000 đồng hoa hồng cho chủ hui và tiền hui sống 01 ngày chưa châu là 340.000 đồng thì bà T hốt được số tiền hui là 37.660.000 đồng. Tuy nhiên bà L cho rằng đã trả được cho bà T 20.000.000 đồng vào ngày 24-7-2019 âm lịch có camera nhà bà T ghi hình lại và có anh Lê Hữu Th là người làm chứng việc bà T có nói với anh Th là bà L đã trả cho bà T số tiền 20.000.000 đồng. Nên bà T chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền nợ hui là 17.660.000 đồng.

Tuy nhiên việc bà L trả cho bà T số tiền 20.000.000 đồng như bà L trình bày thì không có làm biên nhận, không có ai chứng kiến, bà L cho rằng trả tiền cho bà T tại nhà bà T có camera ghi hình lại nhưng sau khi trích xuất camera thì không có. Những người làm chứng Lê Hữu Th, Nguyễn Văn Tr có nghe bà T nói lại là bà L có trả cho bà T số tiền 20.000.000 đồng nhưng chỉ nghe nói thôi chứ không có thấy việc giao nhận tiền giữa bà L và bà T, bà T cũng thừa nhận có nói như vậy nhưng bà T cho rằng bà T chỉ nói đùa.

Từ đó chứng tỏ lý lẽ do bà L nài ra là không có chứng cứ gì chứng minh và yêu cầu của bà T là có căn cứ chấp nhận nên chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc bà L trả cho bà T số tiền 37.660.000 đồng, không có lãi là hoàn toàn phù hợp pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận*”, trong vụ án này bị đơn Đặng Thị Mỹ L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Phan Thị T số tiền 37.660.000 đồng nên

phải chịu 5% x 37.660.000 đồng = 1.883.000 đồng án phí; Nguyên đơn Phan Thị T không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 960.000 đồng theo biên lai thu số: BH/2017/0008405 ngày 06-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

[4] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng cũng phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 91, 144, 147, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ quy định về hộ, hội, biểu, phường;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Phan Thị T.

Buộc bà Đặng Thị Mỹ L có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị T số tiền nợ hội là 37.660.000 đồng (Ba mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng), không có lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành án xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

2. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn Đặng Thị Mỹ L phải chịu 1.883.000 đồng (Một triệu tám trăm tám mươi ba nghìn đồng) án phí.

Nguyên đơn Phan Thị T không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho nguyên đơn Phan Thị T 960.000 đồng (Chín trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: BH/2017/0008405 ngày 06-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

3. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 03-7-2020).

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Tựu